

---

# NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH THANH HÓA ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN

**Nguyễn Hoài Nam**

*Văn Phòng Ủy Ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa*

*Email: namnh@thanhhoa.gov.vn*

**Trần Thị Hoàng Mai**

*Trường Đại học Vinh*

*Email: hoangmaikkt@gmail.com*

**Phạm Nguyễn Hồng**

*Trường Đại học Vinh*

*Email: phamnguyenhong037@gmail.com*

**Trịnh Thị Liên**

*Trường Đại học Lao động - Xã hội*

*Email: lientt@ldxh.edu.vn*

Mã bài: JED-1120

Ngày nhận: 11/02/2023

Ngày nhận bản sửa: 03/04/2023

Ngày duyệt đăng: 06/04/2023

DOI 10.33301/JED.VI.1120

## **Tóm tắt:**

*Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hóa đối với du lịch biển. Dựa trên các nghiên cứu đã có, nhóm tác giả đề xuất thang đo sơ bộ ban đầu và sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia để điều chỉnh, hoàn thiện thành các thang đo chính thức. Dựa vào số liệu sơ cấp thu thập từ 256 cán bộ quản lý nhà nước về du lịch và cán bộ quản lý doanh nghiệp du lịch tại tỉnh Thanh Hóa, các tác giả tiến hành phân tích Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính để khám phá ảnh hưởng của các nhân tố tới công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển, bao gồm: môi trường kinh tế xã hội của địa phương; cơ chế chính sách của Nhà nước, mức độ cải cách thủ tục hành chính; đội ngũ cán bộ công chức quản lý du lịch biển; nhận thức người dân, doanh nghiệp; cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý.*

**Từ khóa:** Quản lý, du lịch biển, chính quyền cấp tỉnh.

**Mã JEL:** L5, L38

## **Determinants influencing the management of Thanh Hoa province' government for sea tourism**

### **Abstract:**

*This research aims to explore the factors influencing the management of Thanh Hoa provincial government for marine tourism. From existing studies, the authors have proposed the initial preliminary scale and used the expert interview method to adjust and complete the official scales. Based on primary data collected from 256 state managers and business managers of marine tourism firms in Thanh Hoa, by employing Cronbach's alpha, exploratory factor analysis and linear regression, the results reveal the determinants affecting the management of the provincial government for marine tourism, including (i) The local socio-economic environment; (ii) The State's mechanisms and policies, level of administrative procedure reform; (iii) The civil servants managing sea tourism; (iv) Awareness of people and businesses; (v) Technical facilities for management.*

**Keywords:** Policy, marine tourism, provincial level.

**JEL Codes:** L5, L38

---

## 1. Giới thiệu

Trong xã hội hiện đại, du lịch đã trở thành nhu cầu tất yếu, ngày càng phát triển với tốc độ cao, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Ở Việt Nam, du lịch được Đảng và Nhà nước quan tâm, khuyến khích phát triển, hướng tới mục tiêu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững.

Tỉnh Thanh Hóa là địa phương thuộc Bắc Trung Bộ, có vị trí chiến lược quan trọng, nằm trên trục đường giao thông đường bộ và đường sắt xuyên Việt, có cảng hàng không và cảng biển nước sâu. Cùng với đó là nhiều bãi biển đẹp và các danh lam thắng cảnh, hệ thống văn hóa phi vật thể đa dạng, đặc sắc, là điều kiện thuận lợi để Thanh Hóa phát triển đa dạng các loại hình du lịch từ du lịch biển, du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, đến du lịch làng nghề, du lịch đường thủy...

Đặc biệt, Thanh Hóa có nhiều bãi biển đẹp (Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa, Tiên Trang), hàng năm thu hút một lượng lớn du khách thăm quan nghỉ dưỡng. Gần đây, du lịch biển đã có bước chuyển mình mạnh mẽ, hạ tầng du lịch ngày càng được cải thiện, được đầu tư hiện đại, kết nối nội - ngoại vùng. Nhiều dự án tổ hợp khách sạn, nghỉ dưỡng biển cao cấp đã làm cho diện mạo du lịch biển ở Thanh Hóa thay đổi theo hướng văn minh, hiện đại, khắc phục tính mùa vụ, tạo sức hấp dẫn mới, khẳng định được thương hiệu du lịch biển. Chất lượng nhân lực du lịch biển được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, du lịch biển ở Thanh Hóa vẫn bộc lộ nhiều hạn chế về sản phẩm du lịch biển, môi trường du lịch biển,... Để giải quyết những vấn đề đó cần có sự quan tâm, phối hợp hiệu quả từ chính quyền địa phương tới các nhà cung ứng dịch vụ du lịch, khách du lịch và người dân. Mục tiêu bài viết này sẽ khám phá một số nhân tố ảnh hưởng tới tính hiệu lực, hiệu quả quản lý chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển, dựa trên số liệu thu thập tại tỉnh Thanh Hóa.

## 2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Miller & Auyong (2011) đưa ra khái niệm du lịch biển là các hoạt động du lịch, nghỉ ngơi và giải trí diễn ra ở vùng ven biển và vùng nước ven biển, đại dương. Orams (1999) cho rằng du lịch biển bao gồm: những hoạt động giải trí liên quan đến việc đi xa nơi ở của một người, tập trung vào môi trường biển. Trong nghiên cứu này, du lịch biển là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong một khoảng thời gian tại vùng đất ven biển và hệ thống các đảo trên biển nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, giải trí, tìm hiểu, mua sắm, khám phá tài nguyên du lịch biển.

Theo Nguyễn Văn Đình & Trần Thị Minh Hòa (2009), quản lý nhà nước về du lịch là làm chức năng quản lý vĩ mô về du lịch, không làm chức năng chủ quản và không kinh doanh thay các doanh nghiệp du lịch. Nhà nước sử dụng các công cụ quản lý vĩ mô để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, đưa du lịch phát triển theo định hướng phát triển chung của đất nước. Theo Vũ Lan Hương (2022), quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch của địa phương cấp tỉnh là việc chính quyền cấp tỉnh thực hiện các chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền để quản lý, kiểm soát các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn phù hợp với chiến lược phát triển du lịch của quốc gia và của địa phương, phát huy được lợi thế địa phương, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia theo hướng bền vững. Du lịch biển có tính chất đặc thù, là một bộ phận của du lịch nhưng mang tính mùa vụ rõ nét. Theo nhóm tác giả, quản lý của chính quyền cấp tỉnh về du lịch biển là hoạt động quản lý của chính quyền cấp tỉnh (gồm Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh) thông qua hệ thống pháp luật, chính sách để tác động đến các hoạt động du lịch biển nhằm duy trì và phát triển hoạt động này phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch thể hiện qua việc xây dựng, ban hành cơ chế chính sách phát triển (Nguyễn Mạnh Cường, 2015). Địa phương có nhiều tiềm năng, lợi thế và nguồn tài nguyên để phát triển du lịch, nhưng nếu không có cơ chế, chính sách phù hợp thì không thể thu hút và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch, sẽ không có nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ du lịch biển (Nguyễn Mạnh Cường, 2015). Trên cơ sở các cơ chế, chính sách của cấp Trung ương, UBND tỉnh và các sở ban ngành ban hành các chính sách du lịch biển phù hợp với đặc thù của địa phương.

Đã có một số nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nhà nước về du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng, được tổng hợp ở Bảng 1.

**Bảng 1: Tổng hợp các nghiên cứu liên quan**

STT	Tác giả	Chủ đề	Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý
1	Nguyễn Minh Phương & Bùi Văn Minh (2018)	Các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước ở nước ta hiện nay	- Năng lực của nền hành chính - Tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị - Sự tham gia, ủng hộ của người dân - Các nhân tố khác
2	Vũ Văn Hùng (2019)	Nghiên cứu khám phá các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	- Chính trị- pháp lý - Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế - Cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế - Kiểm soát thể chế- quyền lực của bộ máy - Thông tin quản lý - Văn hóa tổ chức trong bộ máy quản lý
3	Orams (1999)	Du lịch biển, quản lý du lịch biển	- Đội ngũ cán bộ quản lý - Các bên tham gia: người dân, doanh nghiệp - Môi trường kinh tế xã hội địa phương
4	Hall (2001)	Xu hướng phát triển du lịch biển	- Bộ máy của chính quyền - Vai trò các bên liên quan - Điều kiện kinh tế xã hội địa phương
5	Miller & cộng sự (2011)	Phát triển bền vững du lịch biển: những thách thức và công cụ quản lý	- Môi trường kinh tế xã hội địa phương - Các bên tham gia - Đội ngũ cán bộ - Môi trường tự nhiên
6	Çetinel, F., & Yolal, M. (2009)	Quản lý phát triển du lịch bền vững	- Đội ngũ cán bộ - Nhận thức các bên liên quan (người dân, doanh nghiệp)
7	Logar (2010),	Đánh giá các công cụ chính sách quản lý du lịch bền vững	- Vai trò của các bên liên quan - Môi trường kinh tế xã hội
8	Thongphon, Aree & Patarapong (2013)	Quản lý và phát triển bền vững du lịch	- Bộ máy tổ chức - Môi trường kinh tế xã hội - Điều kiện tự nhiên - Dịch vụ công
9	Nguyễn Mạnh Cường (2015)	Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình	- Bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội chung của cả nước - Tiềm năng, lợi thế riêng của địa phương trong phát triển du lịch
10	Nguyễn Hoàng Tứ (2016)	Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam	- Bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội chung của cả nước - Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế-xã hội quốc gia - Tiềm năng du lịch riêng của địa phương - Cơ sở vật chất kỹ thuật
11	Ngô Nguyễn Hiệp Phước (2018)	Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong hội nhập quốc tế	- Năng lực, cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về du lịch - Năng lực, trình độ của cán bộ quản lý nhà nước về du lịch - Cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về du lịch - Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước - Các nhân tố từ môi trường (kinh tế xã hội) - Các nhân tố từ phía du khách - Cạnh tranh quốc tế
12	Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2019)	Vai trò của Nhà nước đối với phát triển du lịch Việt Nam sau khi hình thành cộng đồng Kinh tế Asean (AEC),	- Mức độ hoàn thiện của thể chế - Khả năng tài chính của Nhà nước; thu nhập của dân cư - Nhận thức xã hội về phát triển du lịch - Năng lực trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý và doanh nghiệp - Những hiệp định; cam kết; thỏa thuận khi tham gia cộng đồng kinh tế
13	Trần Thị Xuân Mai (2019)	Du lịch tại Đồng bằng Sông Cửu Long	- Các yếu tố về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên - Các yếu tố về chính trị, kinh tế và xã hội - Các yếu tố thuộc về đường lối phát triển du lịch - Các yếu tố thuộc về cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.
14	Vũ Lan Hương (2022)	Quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch của tỉnh Hòa Bình	- Chủ trương, đường lối phát triển du lịch của tỉnh - Trình độ, năng lực cán bộ quản lý nhà nước về du lịch của tỉnh - Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch của tỉnh - Ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, cộng đồng dân cư, khách du lịch - Quan điểm, chủ trương, đường lối phát triển du lịch của Đảng, Nhà nước - Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch - Điều kiện kinh tế - xã hội - Yếu tố luật pháp - Sự phát triển khoa học – công nghệ - Bối cảnh và xu hướng phát triển du lịch

Nguồn: Tác giả tổng hợp

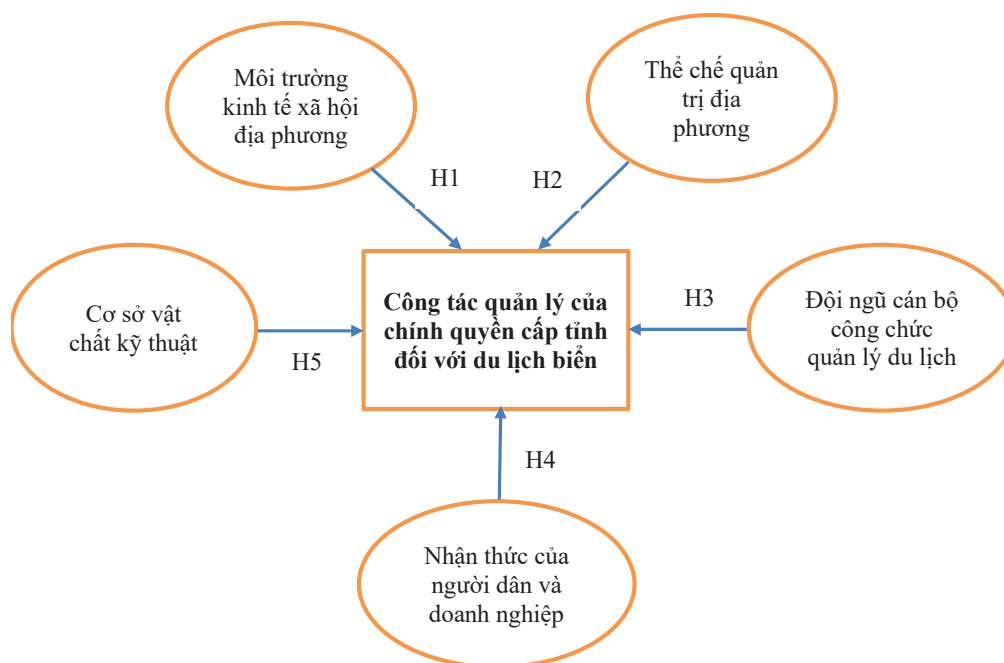
Nhóm tác giả sử dụng phương pháp kế thừa và phương pháp phỏng vấn sâu chuyên gia nhằm mục đích để điều chỉnh và bổ sung thang đo các nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển có 27 biến đo lường. Tuân thủ quy tắc 5:1 thì cỡ mẫu tối thiểu là 135. Các tác giả quyết định chọn cỡ mẫu tối thiểu là 260. Kết quả điều tra thu về được 256 phiếu đạt yêu cầu.

Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện để tiến hành nghiên cứu. Tác giả tiến hành mã hóa và nhập số liệu, sau đó số liệu được tiến hành xử lý bằng phần mềm SPSS 25. Số liệu của nghiên cứu được phân tích thông qua các bước sau: Kiểm định độ tin cậy thang đo bằng phân tích Cronbach's Alpha; Phân tích nhân tố khám phá (EFA); Phân tích hồi quy tuyến tính.

### 3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Nhóm tác giả đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển như trong Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Hoạt động du lịch chỉ xuất hiện và phát triển trong điều kiện hoà bình và quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc (Nguyễn Mạnh Cường, 2015). Sự ổn định chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương là nhân tố quan trọng tác động đến sự phát triển du lịch và quản lý du lịch. Khi đó, điểm đến du lịch sẽ là điểm đến an toàn, thân thiện, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp, du khách tham gia các hoạt động du lịch. Điều này giúp cơ quan nhà nước thực hiện tốt hơn công tác quản lý du lịch. Ngược lại, khi điều kiện về chính trị, kinh tế, xã hội không đảm bảo, có sự biến động nhiều so với khả năng dự trữ tài nguyên có thể làm cho ngành du lịch khó khăn hơn, đóng góp vào GDP không ổn định (Trần Thị Xuân Mai, 2019). Mặt khác, các ngành du lịch thường tạo ra những tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội, và đôi khi là cả nền kinh tế (Logar, 2010).

Toàn bộ hoạt động quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển được đặt trong môi trường kinh tế xã hội. Nhân tố môi trường kinh tế xã hội được thể hiện bằng các chỉ số cụ thể như: tăng trưởng, cơ cấu kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, đời sống tinh thần người dân. Các chỉ số này tích cực sẽ phản ánh trình độ phát triển kinh tế xã hội địa phương ở mức cao, người dân có mức sống tốt, đồng nghĩa với việc nguồn lực tài chính của địa phương cũng như trong dân sẽ dồi dào hơn, phát triển du lịch cũng sẽ thuận lợi. Do đó, mỗi hoàn cảnh môi trường kinh tế xã hội khác nhau thì quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển cần có những điều chỉnh phù hợp để đảm bảo hoạt động phát triển du lịch biển hiệu quả.

Trong quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển, các cơ chế chính sách nhằm quản lý và điều

---

chỉnh mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp. Trên cơ sở các cơ chế chính sách của trung ương, chính quyền cấp tỉnh ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với đặc thù địa phương, đúng quy định pháp luật. Theo Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2019), các chính sách phát triển du lịch tập trung vào: chính sách tài chính, chính sách tín dụng, chính sách thuế, chính sách đất đai, chính sách xúc tiến, quảng bá du lịch, chính sách xuất nhập cảnh, hải quan; chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch; chính sách phát triển khoa học công nghệ; chính sách phát triển kết cấu hạ tầng. Các chính sách này phải được cụ thể hóa bằng những văn bản pháp luật, là cơ sở để các đối tượng liên quan thực hiện. Các văn bản pháp luật cần đảm bảo được thực hiện hiệu quả trên thực tế thông qua công tác quản lý nhà nước về du lịch của cơ quan nhà nước (Trần Thị Xuân Mai, 2019).

Theo Medlik (1991), trong quản lý nhà nước về du lịch, các chính sách phải dựa trên một kết hợp chặt chẽ của kinh tế, chính trị, xã hội và các đối tượng liên quan. Việc thiết lập các cơ chế, chính sách song hành cùng với mức độ cải cách hành chính, mức độ cải cách hành chính càng cao sẽ góp phần cho hiệu lực và hiệu quả trong quản lý nhà nước cao hơn, đảm bảo tạo điều kiện tối đa cho người dân, doanh nghiệp tham gia hoạt động phát triển du lịch. Do đó, mức độ cải cách hành chính nhà nước sẽ là những áp lực để công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển đòi hỏi phải hiệu quả hơn, đổi mới hơn thì mới đáp ứng được mức độ cải cách đó.

Hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước chịu sự chi phối của đội ngũ cán bộ, công chức, chế độ công vụ (Nguyễn Minh Phương & Bùi Văn Minh, 2018). Nếu thiếu sự lãnh đạo quyết liệt của chính quyền về các chính sách thì sẽ kìm hãm sự phát triển du lịch bền vững (Lisa Ruhanen, 2012). Theo Trần Thị Xuân Mai (2019), điều kiện về nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định đến chất lượng của hoạt động quản lý nhà nước về du lịch, vì hoạt động quản lý nhà nước về du lịch cũng là một hoạt động kinh tế của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Do vậy, đội ngũ cán bộ công chức luôn là yếu tố quyết định hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển. Đội ngũ này bao gồm cán bộ thông qua bầu cử, công chức được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế và viên chức được tuyển dụng thông qua hợp đồng làm việc. Trình độ chuyên môn của các cán bộ, công chức có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng công tác quản lý.

Bên cạnh đó, người dân và doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch biển, là đối tượng thụ hưởng các chính sách phát triển du lịch biển. Theo Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2019), nhận thức của các tầng lớp dân cư trong xã hội là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến vai trò của nhà nước đối với phát triển du lịch. Nếu nhận thức đúng về tính chất của ngành du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa và hội nhập quốc tế cao, vai trò của phát triển du lịch đối với phát triển kinh tế xã hội, thì Nhà nước sẽ có những chính sách ưu đãi tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển và ngược lại sẽ hạn chế.

Sự tham gia và ủng hộ của người dân, doanh nghiệp là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của quản lý chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển (Nguyễn Minh Phương & Bùi Văn Minh, 2018). Thực tế rằng, nếu người dân, doanh nghiệp nhận thức cao vai trò của mình thì sự tham gia, ủng hộ đối với chính quyền càng cao, hoạt động quản lý của chính quyền sẽ thuận lợi và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, nền kinh tế phát triển không thể thiếu hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và đây là những điều kiện để ngành du lịch phát triển khi chất lượng dịch vụ du lịch cung cấp cho khách hàng được nâng cao (Trần Thị Xuân Mai, 2019). Theo Nguyễn Minh Phương & Bùi Văn Minh (2018) thì việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm cho sự vận hành của bộ máy và hoạt động của chế độ công vụ, công chức vừa là điều kiện, vừa là một trong những tiêu chí chủ yếu đánh giá hiệu quả của nền hành chính. Môi trường làm việc tốt là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của cán bộ, công chức cũng như quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Do đó, nhóm tác giả đề xuất các giả thuyết sau:

*H1 - Môi trường kinh tế xã hội của địa phương có ảnh hưởng đến công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển.*

*H2 - Thể chế quản trị địa phương (cơ chế, chính sách của Nhà nước, mức độ cải cách hành chính) đối với du lịch biển có ảnh hưởng đến công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển.*

*H3 - Đội ngũ cán bộ công chức quản lý du lịch biển có ảnh hưởng đến công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển.*

H4 - Nhận thức của người dân, doanh nghiệp trong phát triển du lịch biển có ảnh hưởng đến công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển.

H5 - Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý ảnh hưởng tới công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển

Nhóm tác giả đưa ra thang đo cụ thể cho các biến trong mô hình (xem Bảng 8). Các câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 điểm, quan điểm người trả lời biến động từ mức 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3 = Trung hòa, 4 = Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha

Phân tích độ tin cậy (Cronbach's Alpha) cho phép nghiên cứu loại bỏ những biến không phù hợp và hạn chế các biến rác trong mô hình nghiên cứu. Nghiên cứu này sẽ loại các biến quan sát có hệ số tương quan với biến tổng nhỏ hơn 0,3 và giữ lại các thang đo có hệ số Cronbach Alpha lớn hơn hoặc bằng 0,6.

**Bảng 2: Kết quả phân tích Cronbach Alpha**

Nhân tố	Số biến quan sát	Cronbach's alpha	Hệ số tương quan biến tổng nhỏ nhất
Môi trường kinh tế xã hội địa phương	5	0,812	0,483
Thế chế quản trị địa phương	4	0,863	0,682
Đội ngũ cán bộ công chức	5	0,866	0,593
Nhận thức của người dân, doanh nghiệp	4	0,875	0,662
Cơ sở vật chất kỹ thuật	5	0,848	0,524
Công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển	4	0,817	0,403

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2022.

Kết quả kiểm định Hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6. Hệ số tương quan biến tổng đều từ 0,3 trở lên. Vì vậy, tất cả các biến này được sử dụng trong phân tích EFA tiếp theo.

##### 4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)

Phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm tối thiểu hóa số lượng các biến quan sát trong khi tối đa số lượng các thông tin phân tích. Tác giả tiến hành phân tích EFA cho toàn bộ các biến quan sát với phép quay góc Varimax, eigenvalue > 1.0 để tìm ra các nhân tố đại diện cho các biến.

**Bảng 3: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett**

Yếu tố cần đánh giá	Kết quả	So sánh
Hệ số KMO	0,856	$0,5 < 0,856 < 1$
Giá trị Sig trong Kiểm định	0,000	$0,000 < 0,05$
Bartlett Phương sai trích	68,319	$68,319\% > 50\%$
Giá trị Eigenvalue	1,637	$1,637 > 1$

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2022.

Dựa vào kết quả kiểm định KMO và Bartlett, có thể nhận thấy:

- KMO = 0,856 nên phân tích nhân tố là phù hợp
- Sig. (Bartlett's Test) = 0,000 < 0,05 nên các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể
- Eigenvalue = 1,637 > 1 đại diện một phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố thì nhân tố rút ra có ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất.
- Tổng phương sai trích = 68,319% > 50% chứng tỏ 68,319% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 5 nhân tố mới.

Kết quả phân tích nhân tố cho các biến độc lập thấy có 5 nhân tố được rút trích (Bảng 4). Hệ số Factor loading của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5. Do vậy, các biến quan sát được đạt yêu cầu, có thể tiếp tục tiến hành bước tiếp theo.

**Bảng 4: Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA**

	1	2	3	4	5
CBCC3	0,858				
CBCC4	0,768				
CBCC1	0,765				
CBCC5	0,763				
CBCC2	0,586				
CSVC4		0,862			
CSVC1		0,824			
CSVC3		0,731			
CSVC2		0,728			
CSVC5		0,593			
TCQT2			0,807		
TCQT1			0,786		
TCQT4			0,775		
TCQT3			0,767		
NTND2				0,821	
NTND1				0,809	
NTND3				0,774	
NTND4				0,723	
MTKT2					0,814
MTKT1					0,796
MTKT3					0,753
MTKT4					0,716
MTKT5					0,661

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2022

#### 4.3. Xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố

Để đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính bội, tác giả sử dụng hệ số xác định  $R^2$ . Hệ số  $R^2$  cho biết % sự biến động của biến phụ thuộc (công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển) được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình. Tuy nhiên, sử dụng hệ số xác định  $R^2$  có nhược điểm là giá trị  $R^2$  tăng khi số biến X đưa vào mô hình tăng mặc dù biến đưa vào không có ý nghĩa. Vì vậy, tác giả sử dụng  $R^2$  điều chỉnh để quyết định việc đưa thêm biến vào mô hình.

Để kiểm định độ phù hợp của mô hình, tác giả sử dụng kiểm định F nhằm xem xét biến phụ thuộc có liên hệ tuyến tính với toàn bộ tập hợp các biến độc lập không. Đa cộng tuyến là trạng thái trong đó các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau. Để kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến, tác giả sử dụng hệ số phóng đại phương sai (VIF). Nếu giá trị hệ số này  $< 2$  thì quan hệ đa cộng tuyến giữa các biến độc lập là không đáng kể.

Theo Bảng 5, giá trị hệ số  $R^2$  điều chỉnh là 0,711, cho thấy sự tương thích của mô hình với biến quan sát là hợp lý và biến phụ thuộc “công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển” được giải thích khá tốt bởi 5 biến độc lập trong mô hình. Hệ số Durbin- Watson = 1,488 cho thấy mô hình không vi phạm khi sử dụng phương pháp hồi quy bội và cho phép chấp nhận giả thuyết không có tương quan chuỗi bậc nhất trong mô hình. Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính bội thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định độ phù hợp cho việc rút ra các kết quả nghiên cứu.

**Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội**

Model	Hệ số R	Hệ số $R^2$	$R^2$ điều chỉnh	Se	Durbin-Watson
1	0,846 <sup>a</sup>	0,716	0,711	0,30274	1,488

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2022

Bảng 6 cho thấy giá trị  $F = 126,274$ ; giá trị sig = 0,000 tức là mối quan hệ này đảm bảo độ tin cậy với mức độ cho phép là 5%. Như vậy, các biến độc lập có tác động đến “công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp tỉnh” của các nhà quản lý và mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

**Bảng 6: Kết quả ANOVA**

Mô hình	Tổng bình phương	Df	Bình phương trung bình	F	Mức ý nghĩa
Giữa các nhóm	57,865	5	11,573	126,274	0,000 <sup>b</sup>
1 Trong cùng nhóm	22,912	250	0,092		
Tổng	80,777	255			

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2022

Hệ số VIF của các biến độc lập trong mô hình đều < 2 thể hiện tính đa cộng tuyến của các biến độc lập không đáng kể và các biến trong mô hình được chấp nhận.

**Bảng 7: Kết quả mô hình hồi quy các nhân tố tác động**

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Thống kê t	Mức ý nghĩa Sig (t)	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	VIF
(Constant)	-0,094	0,184		-0,509	0,032		
MTKT	0,117	0,036	0,113	3,262	0,001	0,943	1,061
TCQT	0,198	0,035	0,229	5,657	0,000	0,693	1,444
1 CSVC	0,207	0,037	0,224	5,545	0,000	0,697	1,435
CBCC	0,349	0,040	0,364	8,780	0,000	0,661	1,513
NTND	0,202	0,035	0,242	5,763	0,000	0,645	1,550

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2022

Kiểm tra độ phù hợp của các biến độc lập thông qua kiểm định t (Student), những biến độc lập nào có mức ý nghĩa thống kê của  $t < 0,05$  thì được chấp nhận và giữ lại mô hình.

Mức ý nghĩa của thống kê t đối với các biến độc lập đều có giá trị Sig  $< 0,05$ , điều này nói lên rằng sự giải thích của các biến độc lập lên biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%. Độ mạnh yếu của từng biến số độc lập tác động lên biến phụ thuộc được xem xét dựa vào hệ số hồi quy chuẩn hóa (beta), nếu trị tuyệt đối của hệ số này càng lớn thì mức độ ảnh hưởng của biến độc lập lên biến phụ thuộc càng mạnh. Đối chiếu theo bảng trên thì biến có tác động mạnh nhất đối với công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp tỉnh đối với du lịch biển đó là “CBCC- Đội ngũ cán bộ công chức quản lý” và sau đó lần lượt là các biến: “NTND-Nhận thức của người dân, doanh nghiệp”; “TCQT- Thể chế quản trị địa phương”, “CSVC-Cơ sở vật chất kỹ thuật”; và cuối cùng là “MTKT- Môi trường kinh tế xã hội địa phương”. Sự biến thiên của biến phụ thuộc và từng biến độc lập phù hợp với dấu kỳ vọng.

Theo kết quả phân tích hồi quy, nhân tố “Đội ngũ cán bộ công chức quản lý” là nhân tố tác động mạnh nhất đến công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển. Nghĩa là, đội ngũ cán bộ công chức có vai trò quan trọng trong công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển. Thang đo này được đại đa số hành khách đánh giá dưới mức đồng ý. Đặc biệt, tiêu chí “Công tác đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức được thực hiện công khai minh bạch” được đánh giá thấp nhất so với các tiêu chí khác với mức điểm bình quân 3,62.

Nhân tố tác động thứ hai tới công tác quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển là “Nhận thức của người dân, doanh nghiệp”. Trong đó biến quan sát “Người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia các chương trình tập huấn về phát triển du lịch biển” được đánh giá thấp nhất với mức điểm bình quân 3,52.

Nhân tố tác động thứ ba tới công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp tỉnh đối với phát triển du lịch biển là “Thể chế quản trị địa phương”. Trong đó biến quan sát “Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch biển được tinh gọn hợp lý” được đánh giá thấp nhất.



**Bảng 8: Kết quả thống kê mô tả thang đo**

Mã hóa	Thang đo	Mean	Std.	Min	Max
<b>I</b>	<b>Môi trường kinh tế xã hội, tiềm năng lợi thế của địa phương</b>				
MTKT1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương ổn định	3,94	0,692	1	5
MTKT2	Đời sống của người dân cải thiện	3,95	0,704	1	5
MTKT3	Môi trường đầu tư tại địa phương thông thoáng	3,96	0,732	1	5
MTKT4	Thu nhập của người dân địa phương nâng cao	3,98	0,738	1	5
MTKT5	Thanh Hóa có nhiều lợi thế phát triển du lịch biển	3,70	0,735	1	5
<b>II</b>	<b>Thế chế quản trị địa phương</b>				
TCQT1	Các cơ chế chính sách của nhà nước tạo điều kiện cho du lịch biển tại địa phương phát triển	3,93	0,871	2	5
TCQT2	Cơ chế chính sách quản lý của Nhà nước có vai trò quan trọng đảm bảo công tác quản lý du lịch biển tại địa phương hiệu lực, hiệu quả	3,72	0,771	2	5
TCQT3	Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch biển được tinh gọn hợp lý	3,62	0,663	2	5
TCQT4	Tiến độ thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực du lịch biển được thực hiện kịp thời	3,70	0,773	2	5
<b>III</b>	<b>Đội ngũ cán bộ quản lý của chính quyền địa phương cấp tỉnh</b>				
CBCC1	Cán bộ công chức có trình độ chuyên môn phù hợp đáp ứng nhiệm vụ được giao	3,70	0,679	2	5
CBCC2	Cán bộ công chức có ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ	3,80	0,779	2	5
CBCC3	Đội ngũ cán bộ công chức được quan tâm đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	3,65	0,720	2	5
CBCC4	Cán bộ công chức có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện nhiệm vụ	3,70	0,696	2	5
CBCC5	Công tác đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức được thực hiện công khai minh bạch	3,62	0,751	2	5
<b>IV</b>	<b>Nhận thức của người dân, doanh nghiệp</b>				
NTND1	Người dân, doanh nghiệp tuân thủ các chính sách phát triển du lịch biển của người dân, doanh nghiệp	3,74	0,753	1	5
NTND2	Người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia các chương trình tập huấn về phát triển du lịch biển	3,52	0,797	1	5
NTND3	Người dân, doanh nghiệp tích cực hỗ trợ chính quyền các chương trình, dự án phát triển du lịch biển	3,76	0,827	1	5
NTND4	Người dân và doanh nghiệp ủng hộ các chính sách của chính quyền địa phương	3,54	0,776	1	5
<b>V</b>	<b>Cơ sở vật chất kỹ thuật</b>				
CSVC1	Đáp ứng tốt về không gian làm việc, môi trường làm việc	3,59	0,686	2	5
CSVC2	Trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý phát triển du lịch biển đầy đủ	3,50	0,714	2	5
CSVC3	Hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý phát triển du lịch biển được vận hành tốt	3,77	0,809	2	5
CSVC4	Địa phương quan tâm đầu tư hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động phát triển du lịch biển	3,62	0,704	2	5
CSVC5	Hệ thống giao thông của địa phương được quan tâm đầu tư cải thiện	3,93	0,920	2	5
<b>VI</b>	<b>Quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với phát triển du lịch biển</b>				
QLCQ1	Công tác xây dựng định hướng, mục tiêu phát triển du lịch biển đảm bảo hiệu lực, hiệu quả	3,75	0,707	2	5
QLCQ2	Xây dựng hệ thống chính sách về phát triển du lịch biển đảm bảo hiệu lực, hiệu quả	3,95	0,695	2	5
QLCQ3	Tổ chức bộ máy điều hành các hoạt động du lịch biển tại địa phương hiệu lực, hiệu quả	3,80	0,624	2	5
QLCQ4	Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động phát triển du lịch biển đảm bảo hiệu lực, hiệu quả	4,09	0,794	2	5

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2022

## 5. Kết luận và kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy để tăng cường *công tác quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hóa đối với* du lịch biển thì cần tập trung cải thiện nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là nâng cao năng lực quản lý, điều hành và thực thi công vụ thông qua việc thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.

---

Bên cạnh đó, tỉnh Thanh Hóa cần sớm hoàn thiện cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, nhất là sớm đơn giản hóa các thủ tục cấp phép đầu tư vào du lịch biển; hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật và môi trường kinh tế xã hội địa phương. Cần chú trọng nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp thông qua đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, ứng dụng công nghệ hiện đại để đẩy mạnh quảng bá, tổ chức các cuộc tập huấn, lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các cuộc thi tìm hiểu du lịch biển.

### Tài liệu tham khảo

- Çetinel, F., & Yolal, M. (2009), 'Public policy and sustainable tourism in Turkey', *Tourism: an international multidisciplinary journal of tourism*, 4(3), 35-50.
- Hall, C. M. (2001), 'Trends in ocean and coastal tourism: the end of the last frontier?', *Ocean & coastal management*, 44(9-10), 601-618.
- Ivana Logar (2010), 'Sustainable tourism management in Crikvenica, Croatia: An assessment of policy instruments', *Tourism Management*, 31(1), 125-135.
- Lisa Ruhanen (2012), 'Local government: facilitator or inhibitor of sustainable tourism development?', *Journal of Sustainable Tourism*, 21, 0-98.
- Miller, M. L., Auyong, J., & Hadley, N. P. (2011), *Sustainable coastal tourism: challenges for management, planning, and education*, Retrieved March, 10, 2017.
- Ngô Nguyễn Hiệp Phước (2018), 'Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong hội nhập quốc tế', luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Hoàng Tứ (2016), 'Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam', luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại.
- Nguyễn Mạnh Cường (2015), 'Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình', luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Nguyễn Minh Phương & Bùi Văn Minh (2018), *Các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước ở nước ta hiện nay*, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 07 năm 2022, từ: <https://tcnn.vn/news/detail/41620/Cac-yeu-to-tac-dong-den-hieu-qua-quan-ly-nha-nuoc-o-nuoc-ta-hien-nay.html>.
- Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2019), 'Vai trò của Nhà nước đối với phát triển du lịch Việt Nam sau khi hình thành cộng đồng Kinh tế Asean (AEC)', luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Nguyễn Văn Đình & Trần Thị Minh Hòa (2008), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
- Orams, M. (1999), *Marine tourism: development, impacts and management*, Routledge.
- S. Medlik (1991), *Managing Tourism*, Butterworth - Heinemann Ltd.
- Thongphon, Aree & Patarapong (2013), 'Sustainable Tourism Development and Management in the Phuket Province, Thailand', *Asian Social Science*, 9(7), 75-82.
- Trần Thị Xuân Mai (2019), 'quản lý nhà nước về du lịch tại Đồng bằng Sông Cửu Long', luận án tiến sĩ, Học viện Hành chính quốc gia.
- Vũ Lan Hương (2022), 'Quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch của tỉnh Hòa Bình', luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại.
- Vũ Văn Hùng (2019), 'Nghiên cứu khám phá các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế', *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 129, 21-31.